

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này như sau:

Hội đồng Quản trị	Ông Trần Đình Long	Chủ tịch
	Ông Trần Tuấn Dương	Phó Chủ tịch
	Ông Nguyễn Mạnh Tuấn	Phó Chủ tịch
	Ông Doãn Gia Cường	Phó Chủ tịch
	Ông Nguyễn Ngọc Quang	Thành viên
	Ông Tạ Tuấn Quang	Thành viên
	Ông Hoàng Quang Việt	Thành viên
	Ông Nguyễn Việt Thắng	Thành viên
	Ông Hans Christian Jacobsen	Thành viên
Ban Giám đốc	Ông Trần Tuấn Dương	Tổng Giám đốc
	Bà Nguyễn Thị Thảo Nguyễn	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Việt Thắng	Phó Tổng Giám đốc

Thông tin về Công ty

Công ty có tiền thân là Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam và hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh lần đầu số 0503000008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hưng Yên cấp ngày 26 tháng 10 năm 2001. Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh thay đổi lần thứ 8 số 0503000008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hưng Yên cấp ngày 9 tháng 1 năm 2007, Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát đã chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát.

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh mới nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0900189284 ngày 3 tháng 7 năm 2015. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hưng Yên cấp.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Khu Công nghiệp Phố Nối A, Xã Giai Phạm, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát **Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)**

Kết quả hoạt động kinh doanh và cổ tức

Lợi nhuận thuần trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Công ty là 2.048.199 triệu VND (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015: 1.014.675 triệu VND).

Ngày 14 tháng 3 năm 2016, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua phương án chi trả cổ tức năm 2015 cho các cổ đông theo tỷ lệ 15% bằng tiền mặt và 15% bằng cổ phiếu (cổ đông sở hữu 20 cổ phiếu thường được nhận 3 cổ phiếu mới). Thời gian chi trả cổ tức dự kiến là tháng 9 năm 2016. Phương án chi trả cổ tức này đã được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt vào ngày 31 tháng 3 năm 2016.

Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ cần phải điều chỉnh hay thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Đơn vị kiểm toán

Đơn vị kiểm toán của Công ty là Công ty TNHH KPMG.

Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty đối với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Giám đốc Công ty cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết với Hội đồng Quản trị và các cổ đông của Công ty rằng Công ty đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)

Phê duyệt báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016. Báo cáo này đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Giám đốc



Hà Nội, ngày 22 tháng 8 năm 2016

**KPMG Limited**

46th Floor, Keangnam Hanoi Landmark Tower,
72 Building, Plot E6, Pham Hung Street,
Me Tri Ward, South Tu Liem District, Hanoi,
Vietnam

Tel: +84 4 3946 1600

Fax: +84 4 3946 1601

www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi các Cổ đông và Hội đồng Quản trị
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 22 tháng 8 năm 2016, được trình bày từ trang 6 đến trang 37.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất trong kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 16-02-074-a



Trần Anh Quân

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề
kiểm toán số: 0306-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 22 tháng 8 năm 2016

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		1.332.745.600.759	727.572.437.118
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	8	927.542.132.355	514.591.242.289
Tiền	111		8.342.132.355	4.841.242.289
Các khoản tương đương tiền	112		919.200.000.000	509.750.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		156.900.000.000	177.450.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	9.1	156.900.000.000	177.450.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		245.607.962.476	33.293.022.648
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		1.494.255.944	1.881.718.644
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		9.860.675.857	2.229.119.997
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	10.1	223.300.000.000	25.600.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	11	10.953.030.675	3.582.184.007
Hàng tồn kho	140		497.595.648	500.379.018
Tài sản ngắn hạn khác	150		2.197.910.280	1.737.793.163
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		653.396.269	193.279.152
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	12	1.544.514.011	1.544.514.011

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 230 + 250 + 260)	200		10.356.204.213.141	8.903.656.426.880
Các khoản phải thu dài hạn	210		211.004.000.000	272.004.000.000
Phải thu về cho vay dài hạn	215	10.2	211.000.000.000	272.000.000.000
Phải thu dài hạn khác	216		4.000.000	4.000.000
Tài sản cố định	220		52.477.572.518	48.485.035.169
Tài sản cố định hữu hình	221	13	23.712.658.971	19.609.625.364
Nguyên giá	222		55.714.687.909	50.017.001.242
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(32.002.028.938)	(30.407.375.878)
Tài sản cố định vô hình	227	14	28.764.913.547	28.875.409.805
Nguyên giá	228		31.110.496.640	31.110.496.640
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.345.583.093)	(2.235.086.835)
Bất động sản đầu tư	230	15	233.747.517.433	240.923.131.255
Nguyên giá	231		291.858.675.266	291.858.675.266
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(58.111.157.833)	(50.935.544.011)
Đầu tư tài chính dài hạn	250	9.2	9.854.077.019.661	8.336.643.654.496
Đầu tư vào công ty con	251		9.990.007.226.533	8.534.660.542.633
Đầu tư vào công ty liên kết	252		5.730.000.000	5.730.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		700.000.000	700.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(142.360.206.872)	(204.446.888.137)
Tài sản dài hạn khác	260		4.898.103.529	5.600.605.960
Chi phí trả trước dài hạn	261	16	4.898.103.529	5.600.605.960
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		11.688.949.813.900	9.631.228.863.998

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)	300		268.123.038.935	210.778.630.594
Nợ ngắn hạn	310		268.123.038.935	210.778.630.594
Phải trả người bán ngắn hạn	311		1.853.465.110	998.098.414
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		37.420.558	27.162.332
Phải trả người lao động	314		478.735.000	868.719.500
Phải trả ngắn hạn khác	319	17	31.196.710.898	2.464.378.865
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	18	234.556.707.369	206.420.271.483
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		11.420.826.774.965	9.420.450.233.404
Vốn chủ sở hữu	410	19	11.420.826.774.965	9.420.450.233.404
Vốn cổ phần	411	20	7.329.514.190.000	7.329.514.190.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		7.329.514.190.000	7.329.514.190.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		674.149.437.068	674.149.437.068
Cổ phiếu quỹ	415		(961.000.000)	(638.500.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418		300.416.193.231	300.416.193.231
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3.117.707.954.666	1.117.008.913.105
- LNST chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		1.069.508.463.838	(546.592.403.704)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		2.048.199.490.828	1.663.601.316.809
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		11.688.949.813.900	9.631.228.863.998

Ngày 22 tháng 8 năm 2016

Người lập:



Đinh Phương Loan
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Phạm Thị Kim Oanh
Kế toán trưởng



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016

Mẫu B 02a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	01	23	13.339.200.000	12.576.221.000
Giá vốn hàng bán	11		6.480.676.404	6.480.676.404
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		6.858.523.596	6.095.544.596
Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	2.041.014.126.441	1.084.394.731.988
Trong đó: lợi nhuận công ty con chuyển về			2.007.963.091.389	1.072.127.317.272
Chi phí tài chính	22	25	(21.646.681.165)	59.477.111.013
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	168.524.587
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	24.832.727.475	18.287.847.527
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 26)	30		2.044.686.603.727	1.012.725.318.044
Thu nhập khác	31	27	3.737.766.621	3.137.297.806
Chi phí khác	32		224.879.520	311.982.824
Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		3.512.887.101	2.825.314.982
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		2.048.199.490.828	1.015.550.633.026
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	-	875.609.481
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		2.048.199.490.828	1.014.675.023.545

Ngày 22 tháng 8 năm 2016

Người lập:



Đinh Phương Loan
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Phạm Thị Kim Oanh
 Kế toán trưởng



Trần Tuấn Dương
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		2.048.199.490.828	1.015.550.633.026
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		10.245.516.473	9.613.943.363
Các khoản dự phòng	03		(62.086.681.265)	59.308.586.426
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(2.000.892.308.159)	(1.084.394.731.988)
Chi phí lãi vay	06		-	168.524.587
(Lỗ)/lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		(4.533.982.123)	246.955.414
Biến động các khoản phải thu	09		(2.277.523.645)	(3.957.117.321)
Biến động hàng tồn kho	10		2.783.370	1.058.752
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		29.207.972.455	(3.445.968.321)
Biến động chi phí trả trước	12		702.502.431	(2.578.234.803)
			23.101.752.488	(9.733.306.279)
Tiền lãi vay đã trả	14		-	(143.199.587)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(19.686.513.381)	(20.466.276.954)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		3.415.239.107	(30.342.782.820)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(13.001.440.000)	(4.582.209.084)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		318.181.818	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(538.200.000.000)	(524.050.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		422.050.000.000	326.100.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(3.011.566.684.000)	(398.420.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		1.515.780.000.000	-
Tiền thu lãi tiền gửi, cho vay và lợi nhuận từ các công ty con	27		2.034.155.593.141	1.086.586.615.785
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		409.535.650.959	485.634.406.701

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		-	217.010.997.843
Tiền trả nợ gốc vay	34		-	(217.010.997.843)
Tiền trả cổ tức	36		-	(488.518.044.650)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	(488.518.044.650)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		412.950.890.066	(33.226.420.769)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		514.591.242.289	298.740.078.905
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)	70	8	927.542.132.355	265.513.658.136

Ngày 22 tháng 8 năm 2016

Người lập:



Đinh Phương Loan
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Phạm Thị Kim Oanh
Kế toán trưởng



Trần Tuấn Dương
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016**

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

1.2 Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là cho thuê văn phòng và đầu tư tài chính.

1.3 Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

1.4 Cấu trúc Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty có 13 công ty con cấp 1 và 1 công ty liên kết (1/1/2016: 16 công ty con cấp 1 và 1 công ty liên kết), được liệt kê trong Thuyết minh 9.2.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty có 71 nhân viên (1/1/2016: 77 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

2.1 Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Công ty cũng lập và phát hành riêng rẽ báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty.

2.2 Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng năm gần nhất.

3.1 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

3.3 Các khoản đầu tư

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

(b) Đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

3.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc cho các khoản mà tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả kinh doanh riêng trong kỳ.

3.5 Tài sản cố định hữu hình

(a) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(b) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ máy móc và thiết bị	3 – 10 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 – 10 năm
▪ dụng cụ văn phòng	3 – 7 năm

3.6 Tài sản cố định vô hình

(a) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp được thể hiện theo nguyên giá và không được phân bổ do có thời hạn không xác định. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 6 năm.

3.7 Bất động sản đầu tư cho thuê

(a) Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Giám đốc. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

(b) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư cho thuê. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa 20 năm

3.8 Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ và dụng cụ và chi phí sửa chữa văn phòng, các chi phí này được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 4 năm.

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

3.9 Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

3.10 Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

3.11 Vốn cổ phần

(a) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(b) Phát hành cổ phiếu thưởng cho người lao động

Theo chính sách của Công ty, giá trị cổ phiếu thưởng phát hành cho người lao động từ thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo mệnh giá và không được ghi là chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(c) Thu hồi cổ phiếu thưởng cho người lao động làm cổ phiếu quỹ

Khi thu lại cổ phiếu thưởng cho nhân viên đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, mệnh giá của số cổ phiếu này được ghi tăng vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã thu lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

3.12 Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

(a) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và phải thu.

(b) *Nợ phải trả tài chính*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
 - được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh cho các báo cáo tài chính riêng và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

3.13 Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

3.14 Doanh thu và thu nhập khác

(a) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê.

(b) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian, dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(c) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

3.15 Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

3.16 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

3.17 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung.

Các bên liên quan có thể là các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, các nhân viên quản lý chủ chốt của Công ty, các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan và các công ty con và liên kết của Công ty và của các cá nhân này.

4. Tính thời vụ của hoạt động kinh doanh

Công ty không có hoạt động kinh doanh nào có tính thời vụ có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

5. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính riêng hàng năm và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban Giám đốc thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Không có sự thay đổi trọng yếu nào trong các ước tính kế toán kể từ thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm gần nhất.

6. Các khoản mục bất thường

Công ty không có các khoản mục bất thường có thể ảnh hưởng đến báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

7. Các thay đổi trong cơ cấu đơn vị

Không có thay đổi trong cơ cấu của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

8. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Tiền mặt	307.957.308	152.060.239
Tiền gửi ngân hàng	8.034.175.047	4.689.182.050
Các khoản tương đương tiền	919.200.000.000	509.750.000.000
	927.542.132.355	514.591.242.289

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Các khoản đầu tư tài chính

9.1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/6/2016		1/1/2016	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn				
▪ Tiền gửi có kỳ hạn (*)	156.900.000.000	156.900.000.000	177.450.000.000	177.450.000.000

(*) Đây là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng, được hưởng lãi suất 5,5% (1/1/2016: 5% đến 5,8%) một năm.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- (i) Trong kỳ, Công ty đã góp thêm 250.000 triệu VND bằng tiền vào Công ty TNHH Ống Thép Hòa Phát.
- (ii) Ngày 10 tháng 6 năm 2016, Công ty đã ký hợp đồng chuyển nhượng Công ty TNHH MTV Chăn nuôi Hòa Phát Đà Nẵng với Công ty CP Phát triển Nông nghiệp Hòa Phát. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty chưa ghi giảm khoản đầu tư này do các thủ tục chuyển nhượng chưa được hoàn tất.
- (iii) Đây là các công ty con mới thành lập trong kỳ.
- (iv) Đây là các công ty con cấp 1 được Công ty chuyển nhượng cho Công ty CP Phát triển Nông nghiệp Hòa Phát trong kỳ.
- (v) Đây là công ty con cấp 1 được Công ty chuyển nhượng cho Công ty CP Đầu tư Khoáng sản An Thông trong kỳ.
- (*) Thông tin về giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn được trình bày tại Thuyết minh 30.5(b)(*).

10. Phải thu về cho vay

10.1 Phải thu về cho vay ngắn hạn

	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Công ty CP Nội thất Hòa Phát	-	25.600.000.000
Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Sản xuất Thức ăn Chăn nuôi Hòa Phát	82.000.000.000	-
Công ty TNHH Ống thép Hòa Phát	141.300.000.000	-
	223.300.000.000	25.600.000.000

Đây là các khoản cho vay bằng VND, không được đảm bảo, cấp cho các công ty con của Công ty (bên liên quan). Trong kỳ, các khoản cho vay này hưởng lãi suất cố định là 1% (1/1/2016: 5%) một năm.

10.2 Phải thu về cho vay dài hạn

	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Công ty CP Đầu tư Khoáng sản An Thông	211.000.000.000	267.000.000.000
Công ty TNHH Điện lạnh Hòa Phát	-	5.000.000.000
	211.000.000.000	272.000.000.000

Đây là khoản cho vay bằng VND, không được đảm bảo, cấp cho các công ty con của Công ty (bên liên quan). Trong kỳ, khoản cho vay này hưởng lãi suất cố định là 0,5% (1/1/2016: 0,5% đến 5%) một năm.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Tiền lãi dự thu	9.803.411.808	3.334.378.730
Phải thu khác	1.149.618.867	247.805.277
	10.953.030.675	3.582.184.007

12. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Thuế giá trị gia tăng	11.369.174	11.369.174
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.533.144.837	1.533.144.837
	1.544.514.011	1.544.514.011

13. Tài sản cố định hữu hình

	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Dụng cụ văn phòng VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu kỳ	4.461.631.355	27.962.665.268	17.592.704.619	50.017.001.242
Tăng trong kỳ	-	6.957.440.000	105.000.000	7.062.440.000
Thanh lý	-	(1.364.753.333)	-	(1.364.753.333)
Số dư cuối kỳ	4.461.631.355	33.555.351.935	17.697.704.619	55.714.687.909
Giá trị còn lại				
Số dư đầu kỳ	1.135.630.938	16.798.270.369	12.473.474.571	30.407.375.878
Khấu hao trong kỳ	399.490.242	1.589.524.140	970.392.011	2.959.406.393
Thanh lý	-	(1.364.753.333)	-	(1.364.753.333)
Số dư cuối kỳ	1.535.121.180	17.023.041.176	13.443.866.582	32.002.028.938
Giá trị còn lại				
Số dư đầu kỳ	3.326.000.417	11.164.394.899	5.119.230.048	19.609.625.364
Số dư cuối kỳ	2.926.510.175	16.532.310.759	4.253.838.037	23.712.658.971

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 có các tài sản với nguyên giá 16.164 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2016: 10.392 triệu VND).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	28.755.408.500	2.355.088.140	31.110.496.640
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	-	2.235.086.835	2.235.086.835
Khấu hao trong kỳ	-	110.496.258	110.496.258
Số dư cuối kỳ	-	2.345.583.093	2.345.583.093
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	28.755.408.500	120.001.305	28.875.409.805
Số dư cuối kỳ	28.755.408.500	9.505.047	28.764.913.547

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 có các tài sản với nguyên giá 1.040 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2016: 1.040 triệu VND).

15. Bất động sản đầu tư cho thuê

	Nhà cửa VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	291.858.675.266
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	50.935.544.011
Khấu hao trong kỳ	7.175.613.822
Số dư cuối kỳ	58.111.157.833
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	240.923.131.255
Số dư cuối kỳ	233.747.517.433

Bất động sản đầu tư của Công ty là tòa nhà văn phòng tại số 39 Phố Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội và tòa nhà văn phòng tại 643-645 Phố Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại ngày báo cáo, Công ty không xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư do không có thị trường hoạt động để xác định giá trị hợp lý cho loại bất động sản đầu tư này một cách đáng tin cậy.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

16. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí sửa chữa văn phòng VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	2.588.412.300	2.519.693.804	492.499.856	5.600.605.960
Tăng trong kỳ	-	550.866.084	959.596.819	1.510.462.903
Phân bổ trong kỳ	(620.182.957)	(1.121.490.774)	(471.291.603)	(2.212.965.334)
Số dư cuối kỳ	1.968.229.343	1.949.069.114	980.805.072	4.898.103.529

17. Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Phải trả kinh phí công đoàn và bảo hiểm xã hội	66.125.898	-
Phải trả tiền cổ tức	976.185.000	976.185.000
Phải trả thù lao Hội đồng Quản trị	154.400.000	1.488.193.865
Phải trả Công ty CP Phát triển Nông nghiệp Hòa Phát (*)	30.000.000.000	-
	31.196.710.898	2.464.378.865

(*) Đây là khoản tiền Công ty nhận được từ việc chuyển nhượng một công ty con cấp 1 của Công ty là Công ty TNHH MTV Chăn nuôi Hòa Phát Đà Nẵng (trước đây là “Công ty TNHH MTV Khoáng sản Nam Giang”) sang Công ty CP Phát triển Nông nghiệp Hòa Phát. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty chưa ghi nhận giảm khoản đầu tư vào Công ty TNHH MTV Chăn nuôi Hòa Phát Đà Nẵng do các thủ tục chuyển nhượng chưa được hoàn tất (Thuyết minh 9.2).

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng, phúc lợi cho Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng và phúc lợi trong kỳ/năm như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND	Năm kết thúc ngày 31/12/2015 VND
Số dư đầu kỳ/năm	206.420.271.483	122.480.975.803
Trích lập trong kỳ/năm (Thuyết minh 19)	47.762.949.267	122.812.875.412
Sử dụng trong kỳ/năm	(19.626.513.381)	(38.873.579.732)
Số dư cuối kỳ/năm	234.556.707.369	206.420.271.483

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19. Thay đổi vốn chủ sở hữu

Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Lợi nhuận thuần trong kỳ	4.819.081.750.000	2.207.350.817.068	-	210.868.755.750	1.003.738.106.708	8.241.039.429.526
Phát hành cổ phiếu từ thặng dư vốn cổ phần	-	-	-	-	-	-
Phát hành cổ phiếu thưởng cho người lao động	1.465.851.380.000	(1.465.851.380.000)	-	-	1.014.675.023.545	1.014.675.023.545
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	67.350.000.000	(67.350.000.000)	-	-	-	-
Cổ tức	977.231.060.000	-	-	-	(977.231.060.000)	-
Thu hồi cổ phiếu thưởng cho nhân viên làm cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	(488.625.075.000)	(488.625.075.000)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(181.000.000)	-	-	(181.000.000)
Thu lao thành viên Ban Kiểm soát	-	-	-	-	(85.012.875.412)	(85.012.875.412)
Biến động khác	-	-	-	-	(100.000.000)	(100.000.000)
	-	-	-	-	181.000.000	181.000.000
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2015	7.329.514.190.000	674.149.437.068	(181.000.000)	210.868.755.750	467.625.119.841	8.681.976.502.659
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	7.329.514.190.000	674.149.437.068	(638.500.000)	300.416.193.231	1.117.008.913.105	9.420.450.233.404
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	2.048.199.490.828	2.048.199.490.828
Thu hồi cổ phiếu thưởng cho nhân viên làm cổ phiếu quỹ	-	-	(322.500.000)	-	(47.762.949.267)	(47.762.949.267)
Thu lao thành viên Ban Kiểm soát	-	-	-	-	322.500.000	-
	-	-	-	-	(60.000.000)	(60.000.000)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2016	7.329.514.190.000	674.149.437.068	(961.000.000)	300.416.193.231	3.117.707.954.666	11.420.826.774.965

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

20. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2016		1/1/2016	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	732.951.419	7.329.514.190.000	732.951.419	7.329.514.190.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	732.951.419	7.329.514.190.000	732.951.419	7.329.514.190.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	(96.100)	(961.000.000)	(63.850)	(638.500.000)
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	732.855.319	7.328.553.190.000	732.887.569	7.328.875.690.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Biến động của số cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ/năm như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày		Năm kết thúc ngày	
	30/6/2016		31/12/2015	
	Số cổ phiếu	Mệnh giá VND	Số cổ phiếu	Mệnh giá VND
Số dư đầu kỳ/năm	732.887.569	7.328.875.690.000	481.908.175	4.819.081.750.000
Phát hành cổ phiếu từ thặng dư vốn cổ phần	-	-	146.585.138	1.465.851.380.000
Phát hành cổ phiếu thưởng cho người lao động	-	-	6.735.000	67.350.000.000
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	-	-	97.723.106	977.231.060.000
Thu hồi cổ phiếu thưởng cho nhân viên làm cổ phiếu quỹ	(32.250)	(322.500.000)	(63.850)	(638.500.000)
Số dư cuối kỳ/năm	732.855.319	7.328.553.190.000	732.887.569	7.328.875.690.000

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

21. Cổ tức

Ngày 14 tháng 3 năm 2016, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua phương án chi trả cổ tức năm 2015 cho các cổ đông theo tỷ lệ 15% bằng tiền mặt và 15% bằng cổ phiếu (cổ đông sở hữu 20 cổ phiếu thường được nhận 3 cổ phiếu mới). Thời gian chi trả cổ tức dự kiến là tháng 9 năm 2016. Phương án chi trả cổ tức này đã được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt vào ngày 31 tháng 3 năm 2016.

22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

22.1 Ngoại tệ các loại

	30/6/2016		1/1/2016	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	1.315	29.512.098	1.844	41.398.700
EUR	104	2.536.435	104	2.536.435
		32.048.533		43.935.135

22.2 Cam kết hợp đồng thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Trong vòng một năm	525.262.374	525.262.374
Trong vòng hai đến năm năm	2.101.049.496	2.626.311.870
Sau năm năm	11.917.619.641	12.868.917.658
	14.543.931.511	16.020.491.902

23. Doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị cho thuê tài sản không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

24. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Lãi tiền gửi và cho vay	33.051.035.052	12.267.414.716
Lợi nhuận nhận được từ các công ty con	2.007.963.091.389	1.072.127.317.272
	2.041.014.126.441	1.084.394.731.988

25. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Chi phí lãi vay	-	168.524.587
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(62.086.681.265)	59.308.586.426
Lỗ thanh lý các khoản đầu tư dài hạn	40.440.000.100	-
	(21.646.681.165)	59.477.111.013

26. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Chi phí nhân viên	5.157.795.967	5.048.583.872
Phân bổ chi phí sửa chữa văn phòng, công cụ và dụng cụ và các chi phí trả trước dài hạn khác	2.212.965.334	2.034.701.800
Chi phí khấu hao	3.539.960.549	2.821.298.846
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.630.821.019	3.773.771.336
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	4.291.184.606	4.609.491.673
	24.832.727.475	18.287.847.527

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

27. Thu nhập khác

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	318.181.818	-
Thu nhập từ cho thuê xe	955.592.728	1.102.320.000
Thu nhập khác	2.463.992.075	2.034.977.806
	3.737.766.621	3.137.297.806

28. Chi phí kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Chi phí nhân viên	5.157.795.967	5.048.583.872
Chi phí khấu hao	10.245.516.473	9.613.943.363
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.630.821.019	3.773.771.336
Chi phí khác	6.504.149.940	6.644.193.473

29. Thuế thu nhập

29.1 Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”)		
hiện hành		
Kỳ hiện hành	-	875.609.481

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

29.2 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	2.048.199.490.828	1.015.550.633.026
Các điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận theo kế toán		
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	256.016
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(62.086.681.265)	59.308.586.426
Chi phí không được khấu trừ	1.840.823.670	1.247.884.899
Lợi nhuận nhận được từ các công ty con sau thuế TNDN	(2.007.963.091.389)	(1.072.127.317.272)
Thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	(20.009.458.156)	3.980.043.095
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	-	875.609.481
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	875.609.481

29.3 Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập, Công ty có nghĩa vụ nộp Ngân sách Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015: 22%).

30. Các công cụ tài chính

30.1 Quản lý rủi ro tài chính

(a) Tổng quan

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Khung quản lý rủi ro

Ban Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Công ty. Ban Giám đốc có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Công ty.

Các chính sách quản lý rủi ro của Công ty được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Công ty. Công ty, thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

Hội đồng Quản trị của Công ty chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Công ty như thế nào và soát xét tính thích hợp của chính sách quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Công ty gặp phải.

30.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Công ty nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng và phát sinh chủ yếu từ các khoản tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng và các khoản cho vay các công ty con.

Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Thuyết minh	30/6/2016 Triệu VND	1/1/2016 Triệu VND
Tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền và đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	(a)	1.084.134	691.889
Phải thu khách hàng và phải thu khác	(b)	12.451	5.468
Phải thu về cho vay ngắn hạn và dài hạn	(c)	434.300	297.600
		1.530.885	994.957

(a) Tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền và đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền và đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Phải thu khách hàng và phải thu khác

Rủi ro tín dụng của Công ty liên quan đến khoản phải thu chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng.

Không có khoản phải thu nào đã quá hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 (1/1/2016: Không).

Dựa trên tỷ lệ thực tế không thu được nợ từ các năm trước, Ban Giám đốc tin rằng không cần thiết phải lập dự phòng nợ phải thu khó đòi cho các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác tại ngày báo cáo.

(c) Phải thu về cho vay ngắn hạn và dài hạn

Phải thu về cho vay ngắn hạn và dài hạn của Công ty là các khoản cho vay các công ty con. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản cho vay này và không cho rằng các công ty này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

30.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

Tại ngày báo cáo, các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

	Giá trị ghi sổ Triệu VND	Dòng tiền theo hợp đồng Triệu VND	Trong 1 năm Triệu VND
Ngày 30 tháng 6 năm 2016			
Phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác	3.050	3.050	3.050
Ngày 1 tháng 1 năm 2016			
Phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác	3.462	3.462	3.462

30.4 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái và lãi suất sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(a) Rủi ro tỷ giá hối đoái

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty chỉ có tài sản tiền tệ là 1.315 USD và 104 EUR (1/1/2016: 1.844 USD và 104 EUR) tiền mặt bằng ngoại tệ. Do đó, sự thay đổi của tỷ giá hối đoái không có ảnh hưởng trọng yếu đến kết quả hoạt động của Công ty.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Rủi ro lãi suất

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính hưởng lãi suất của Công ty như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2016	1/1/2016
	Triệu VND	Triệu VND
Các công cụ tài chính hưởng lãi suất cố định		
Tài sản tài chính	1.510.400	984.800

Do đó, biến động lãi suất không ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

30.5 Giá trị hợp lý

(a) So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính, cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại bảng cân đối kế toán riêng, như sau:

	30/6/2016		1/1/2016	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Được phân loại là các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
- Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	156.900	156.900	177.450	177.450
Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:				
- Tiền và các khoản tương đương tiền	927.542	927.542	514.591	514.591
- Phải thu khách hàng và phải thu ngắn hạn khác	12.447	12.447	5.464	5.464
- Phải thu về cho vay ngắn hạn	223.300	223.300	25.600	25.600
- Phải thu về cho vay dài hạn và phải thu dài hạn khác	211.004	(*)	272.004	(*)
Được phân loại là tài sản tài chính sẵn sàng để bán				
- Các khoản đầu tư vào công cụ vốn chủ sở hữu	9.854.077	(*)	8.336.644	(*)
Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:				
- Phải trả người bán và phải trả ngắn hạn khác	(3.050)	(3.050)	(3.462)	(3.462)
	11.382.220	(*)	9.328.291	(*)

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Cơ sở xác định giá trị hợp lý

Tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng và phải thu ngắn hạn khác, phải thu về cho vay ngắn hạn, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và nợ phải trả tài chính ngắn hạn phi phải sinh

Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng và phải thu ngắn hạn khác, phải thu về cho vay ngắn hạn, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và nợ phải trả tài chính ngắn hạn phi phải sinh xấp xỉ giá trị ghi sổ của các công cụ này do tính chất ngắn hạn của chúng. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

- (*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng vì không có giả niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

31. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan trong kỳ như sau:

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Công ty con		
Công ty TNHH Thiết bị Phụ tùng Hòa Phát		
Lợi nhuận nhận được từ công ty con	17.910.872.533	37.542.366.859
Công ty CP Nội thất Hòa Phát		
Nhận thanh toán gốc cho vay	25.600.000.000	-
Lợi nhuận nhận được từ công ty con	88.500.000.000	49.800.000.000
Công ty TNHH Ống thép Hòa Phát		
Các khoản cho vay	141.300.000.000	-
Góp vốn	250.000.000.000	-
Lợi nhuận nhận được từ công ty con	553.034.759.514	203.931.818.182
Công ty TNHH Điện lạnh Hòa Phát		
Các khoản cho vay	-	33.000.000.000
Nhận thanh toán gốc cho vay	5.000.000.000	86.000.000.000
Lợi nhuận nhận được từ công ty con	30.918.975.360	10.110.486.930
Công ty CP Thép Hòa Phát		
Các khoản cho vay	100.000.000.000	100.000.000.000
Nhận thanh toán gốc cho vay	100.000.000.000	100.000.000.000
Lợi nhuận nhận được từ công ty con	459.990.000.000	-

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Công ty CP Đầu tư Khoáng sản An Thông		
Các khoản cho vay	158.000.000.000	240.000.000.000
Nhận thanh toán gốc cho vay	214.000.000.000	61.000.000.000
Chuyển nhượng công ty con cấp 1	98.420.000.000	-
Công ty TNHH Một thành viên Thép Hòa Phát		
Các khoản đi vay	-	75.000.000.000
Thanh toán gốc đi vay	-	75.000.000.000
Lợi nhuận nhận được từ công ty con	120.496.575.158	68.541.372.219
Công ty CP Golden Gain Việt Nam		
Lợi nhuận nhận được từ công ty con	170.886.356.597	280.347.600.000
Công ty CP Năng lượng Hoà Phát		
Lợi nhuận nhận được từ công ty con	457.000.000.000	403.533.600.000
Công ty CP Xây dựng và Phát triển Đô thị Hòa Phát		
Lợi nhuận nhận được từ công ty con	109.225.552.227	-
Công ty TNHH MTV Tôn Hòa Phát		
Góp vốn	602.800.000.000	-
Công ty CP Phát triển Nông nghiệp Hòa Phát		
Góp vốn	1.555.450.000.000	-
Chuyển nhượng các công ty con cấp 1	1.417.360.000.000	-
Nhận tiền ứng trước để chuyển nhượng một công ty con cấp 1	30.000.000.000	-
Công ty TNHH Thương mại Hòa Phát		
Các khoản cho vay	18.000.000.000	-
Nhận thanh toán gốc vay	18.000.000.000	-
Thoái vốn	299.500.000.000	-
Lợi nhuận nhận được từ công ty con	-	18.320.073.082
Công ty CP Phát triển chăn nuôi Hòa Phát		
Góp vốn	150.000.000.000	-
Thoái vốn	340.140.000.000	-
Các khoản đi vay	-	63.000.000.000
Thanh toán gốc đi vay	-	63.000.000.000
Nhận chuyển nhượng lại công ty con cấp 2	-	98.420.000.000
Công ty TNHH MTV Thương mại và Sản xuất Thức ăn Chăn nuôi Hòa Phát		
Các khoản cho vay	82.000.000.000	-
Thoái vốn	300.000.000.000	-
Góp vốn	-	300.000.000.000

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

		Giá trị giao dịch	
		Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2016	30/6/2015
		VND	VND
Công ty TNHH MTV Thức ăn chăn nuôi Hòa Phát			
Đồng Nai			
Góp vốn	235.156.684.000	-	
Thoái vốn	300.000.000.100	-	
Công ty TNHH MTV Thức ăn chăn nuôi Hòa Phát			
Quảng Bình			
Góp vốn	218.160.000.000	-	
Thoái vốn	218.160.000.000	-	
Công ty TNHH Khoáng sản Hòa Phát Mitraco			
Thoái vốn	98.420.000.000	-	
Thành viên Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và			
Hội đồng Quản trị			
Lương và thưởng	991.357.981	719.734.062	
Thù lao	2.624.000.000	1.541.000.000	

32. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính

		Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2016	30/6/2015
		VND	VND
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	-	977.231.060.000	
Phát hành cổ phiếu thưởng cho người lao động	-	67.350.000.000	
Phát hành cổ phiếu từ thặng dư vốn cổ phần	-	1.465.851.380.000	

Ngày 22 tháng 8 năm 2016

Người lập:



Đinh Phương Loan
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Phạm Thị Kim Oanh
Kế toán trưởng

